TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH LUẬT

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7380101

(PHIÊN BẢN DÀNH CHO CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP)

TP. Hồ Chí Minh, 2019

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo 1

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1

1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM 1

1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Luật và Quan hệ quốc tế 5

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs) 6

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 6

1.7. Cơ hội việc làm sau đại học 9

1.8. Quá trình đào tạo 10

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập 10

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá 13

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY 16

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy 16

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy 16

2.3. Danh sách học phần 18

2.4. Tiến trình giảng dạy 22

2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần 26

2.6. Mô tả giảng dạy kỹ năng 36

2.7. Mô tả trình tự giảng dạy kỹ năng 38

2.8. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo 40

3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 43

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Luật của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (UEF), mã ngành 7380101, được ban hành từ năm 2019 (theo Quyết định cấp mã ngành đào tạo số: 1014/QĐ-BGDĐT ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) thuộc quản lý của Khoa Luật và Quan hệ quốc tế (L&QHQT). Khóa tuyển sinh đầu tiên vào năm 2019. Chương trình được xây dựng và hoàn thiện theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/07/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học. Chương trình được xây dựng rà soát, cập nhật theo ý kiến khảo sát của người học, người sử dụng lao động và được đánh giá, nghiệm thu bởi hội đồng khoa học và đào tạo.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Các thông tin chung về CTĐT được cho ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1 Thông tin chung về CTĐT		
1.	Tên ngành đào tạo và các chuyên ngành	**Luật (Law)** *Các chuyên ngành:* Chuyên ngành 1. Luật Dân sự Chuyên ngành 2. Luật Hành chính Chuyên ngành 3. Luật Hình sự
2.	Trình độ đào tạo	Đại học
3.	Loại bằng	Cử nhân ngành Luật
4.	Loại hình đào tạo	Chính quy tập trung
5.	Thời gian:	4 năm
6.	Số tín chỉ:	128 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy.
7.	Khoa quản lý:	Luật và Quan hệ quốc tế
8.	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt + Tiếng Anh
9.	Website:	www.uef.edu.vn
10.	Facebook:	
11.	Ban hành:	Quyết định số: ..126../QĐ-UEF, ngày ban hành: ..13../..05../2019

1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM

"Chất lượng – Hiệu quả - Hội nhập"

A: Chất lượng: Lấy chất lượng làm nền tảng cho mọi mặt hoạt động của nhà trường.

B: Hiệu quả: Lấy sự hài lòng của các bên liên quan làm thước đo hiệu quả của Nhà trường.

C: Hội nhập: Chủ động hợp tác quốc tế, chia sẻ, tiếp thu, đổi mới và phát triển bền vững.

Triết lý giáo dục đó của trường Đại học Kinh tế Tài chính TP. HCM được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT ngành Luật như minh họa ở Bảng 1.2.

Bảng 1.2 Triết lý giáo dục của trường Đại học UEF được chuyển tải vào CTĐT ngành Luật

Chương trình đào tạo ngành Luật			Triết lý giáo dục của UEF		
			A	B	C
Kiến thức chương trình chính khóa	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	Nắm bắt các kiến thức chung, cơ bản, nền tảng của nhóm ngành luật, các kiến thức phổ quát về quản lý hành chính nhà nước; các quyền, nghĩa vụ công dân, chế độ nhà nước, kiến thức về chủ thể kinh doanh (Luật hiến pháp, Luật hành chính, Pháp luật doanh nghiệp)	X	X	X
		Kiến thức nền tảng về pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, lao động (Những vấn đề chung về luật dân sự, Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Pháp luật tài sản và quyền sở hữu, Luật hình sự, Luật lao động)	X	X	X
	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	Kiến thức nền tảng về giao dịch dân sự, thương mại, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, các kiến thức chuyên ngành về dân sự (Luật hợp đồng, Luật thương mại, Các hợp đồng dân sự thông dụng, Luật sở hữu trí tuệ)	X	X	X
		Kiến thức nền tảng về thuế, kiến thức quản lý hành chính nhà nước về đất đai (Luật thuế, Luật đất đai)	X	X	X
		Kiến thức nền tảng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, hình sự, hành chính (Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hình sự)	X	X	X
		Kiến thức và kỹ năng cần thiết về kinh nghiệm làm việc, thực hành nghề nghiệp (Thực tập tốt nghiệp)	X	X	X
	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	Chuyên ngành Luật Dân sự: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ chuyên ngành luật dân sự: hôn nhân gia đình, thừa kế, chính sách an sinh xã hội, quyền lợi của người tiêu dùng (Pháp luật kinh doanh bất động sản, Pháp luật về hôn nhân gia đình và thừa kế, Pháp luật về an sinh xã hội, Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm)	X	X	X
		Chuyên ngành Luật Hành chính: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ chuyên ngành luật hành chính: trách nhiệm bồi thường liên quan đến công chức, công vụ; pháp luật về khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, chế độ nhà nước (Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật tố tụng hành chính, Pháp luật thanh tra khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng, Luật hiến pháp nước ngoài)	X	X	X
		Chuyên ngành Luật Hình sự: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ cho chuyên ngành luật hình sự, về khoa học điều tra, nghiệp vụ điều tra, xét xử, dấu hiệu các nhóm tội phạm cụ thể (Khoa học điều tra hình sự, Tội phạm học, Pháp luật phòng chống tham nhũng và tội phạm, Luật hình sự - phần các tội phạm)	X	X	X

Chương trình đào tạo ngành Luật			Triết lý giáo dục của UEF		
			A	B	C
	Kiến thức nền tảng rộng	Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô (Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô); kiến thức về xã hội học; kiến thức nền tảng và các nguyên tắc cũng như các nội dung cơ bản của quản trị. (Xã hội học, Quản trị học)	X	X	
		Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác-Lênin, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam)	X	X	
		Kiến thức về pháp luật Nhà nước, hình thành quan điểm, tầm nhìn, định hướng cho người học về hệ thống pháp luật Việt Nam (Pháp luật đại cương)			
		Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng (Tin học đại cương)	X	X	
		Kiến thức, kỹ thuật để thiết kế và phát triển dự án. Qua đó, hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: soạn thảo văn bản, thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch, phát hiện và giải quyết vấn đề. (Project design 1, Project design 2)	X	X	X
	Kiến thức ngành gần, khác ngành	Nhóm các ngành luật nói chung và chuyên ngành luật nói riêng có mối quan hệ mật thiết với các ngành học chuyên ngành luật, trong đó có chuyên ngành luật quốc tế; đảm bảo cung cấp những nền tảng kiến thức về mối quan hệ chính trị, ngoại giao trong tương quan với các quy định về pháp luật hành chính, hình sự, dân sự (Luật quốc tế)	X	X	
		Các hoạt động quản lý hành chính nhà nước; các giao dịch dân sự hay việc xử lý các sai phạm nghiêm trọng liên quan đến bảo vệ môi trường luôn có mối quan hệ mật thiết với môn học chuyên sâu về luật môi trường (Luật môi trường)	X	X	
	Kiến thức đại cương khác	Tiếng Anh	X	X	X
		Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao	X	X	
		Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới	X	X	
Hoạt động ngoại khóa	Hoạt động học thuật	Câu lạc bộ học thuật	X	X	
		Cuộc thi học thuật	X	X	
	Hoạt động tình nguyện	Hoạt động service – learning	X	X	X

Chương trình đào tạo ngành Luật			Triết lý giáo dục của UEF		
			A	B	C
	Hoạt động đoàn thể sinh viên	Hoạt động Đoàn – Hội	X	X	X
CĐR chương trình (PLOs)	PLO1	Nhận biết, giải thích và khả năng hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội, cụ thể là luật và kinh tế; và biết vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong đời sống – xã hội; Nắm bắt kiến thức về lý luận chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất.	X	X	
	PLO2	Diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức tổng quát về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý;	X	X	X
	PLO3	Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế;	X	X	X
	PLO4	Nhận biết, diễn giải kiến thức pháp luật vững chắc về lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự; am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động hành chính, hình sự, dân sự trong nước cũng như thế giới;	X	X	X
	PLO5	Đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật;	X	X	X
	PLO6	Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong quản lý, điều hành và kinh doanh; biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet.	X	X	
	PLO7	Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (biện chứng, phân tích, phán đoán)	X	X	X
	PLO8	Có kỹ năng làm việc nhóm	X	X	X
	PLO9	Có kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, kỹ năng viết chuyên ngành;	X	X	X
	PLO10	Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp ngành, chuyên ngành.	X	X	

Chương trình đào tạo ngành Luật			Triết lý giáo dục của UEF		
			A	B	C
	PLO11	Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học	X	X	
	PLO12	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật hành chính, hình sự dân sự đã được đào tạo;	X	X	X
	PLO13	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về mặt pháp lý	X	X	X

1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Luật và Quan hệ quốc tế

Bảng 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng UEF và Khoa Luật và Quan hệ quốc tế

	UEF	Khoa Luật và Quan hệ quốc tế
Tầm nhìn	UEF sẽ trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội.	Khoa Luật và Quan hệ quốc tế sẽ trở thành khoa dẫn đầu của UEF, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội.
Sứ mạng	UEF có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu; xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo; phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.	Khoa Luật và Quan hệ quốc tế có sứ mệnh đào tạo chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu; xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo; phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.
Giá trị cốt lõi	• Lấy người học làm trung tâm; • Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo; • Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội; • Coi trọng văn hóa chất lượng; • Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế.	• Lấy người học làm trung tâm; • Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo; • Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội; • Coi trọng văn hóa chất lượng; • Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân; Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có thể làm việc về công tác pháp chế, tuân thủ nội bộ, hay kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp, cơ quan tư pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan lập pháp hay tổ chức nghiên cứu và tư vấn.

1.5.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành Luật có khả năng:

- *Về kiến thức:*

  PO1: Sinh viên ngành Luật có kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế và luật học, những kiến thức chuyên sâu về pháp luật hành chính, dân sự, hình sự, đủ khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn trên các lĩnh vực;

- *Về kỹ năng:*

  PO2: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Áp dụng những kiến thức chuyên sâu về pháp luật hành chính, hình sự, dân sự, giải quyết các tranh chấp xảy ra trên các lĩnh vực của đời sống;

  PO3: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phân tích pháp luật, phân tích rủi ro pháp lý;

  PO4: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, đàm phán, làm việc nhóm và soạn thảo hợp đồng, văn bản pháp lý nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của ngành, chuyên ngành;

  PO5: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;

- *Về thái độ:*

  PO6: Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước, có nhân cách và kỷ cương;

  PO7: Có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Nhận biết, giải thích và khả năng hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội, cụ thể là luật và kinh tế; và biết vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong đời sống – xã hội; Nắm bắt kiến thức về lý luận chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất;

PLO2: Diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức tổng quát về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý;

PLO3: Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế;

PLO4: Nhận biết, diễn giải kiến thức pháp luật vững chắc về lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự; am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động hành chính, hình sự, dân sự trong nước cũng như thế giới;

PLO5: Đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật;

PLO6: Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong quản lý, điều hành và kinh doanh; biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet;

PLO7: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (biện chứng, phân tích, phán đoán);

PLO8: Có kỹ năng làm việc nhóm;

PLO9: Có kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, kỹ năng viết chuyên ngành;

PLO10: Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp ngành, chuyên ngành;

PLO11: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học;

PLO12: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật hành chính, hình sự dân sự đã được đào tạo;

PLO13: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về pháp lý.

Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Luật đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO1: Nhận biết, giải thích và khả năng hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội, cụ thể là luật và kinh tế; và biết vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong đời sống – xã hội; Nắm bắt kiến thức về lý luận chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất.	K2	3.0
PLO2: Diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức tổng quát về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý;	K1	3.0
PLO3: Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế;	K5	2.0
PLO4: Nhận biết, diễn giải kiến thức pháp luật vững chắc về lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự; am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động hành chính, hình sự, dân sự trong nước cũng như thế giới;	K1	3.0
PLO5: Đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật;	K1, S4, C3	4.0

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO6: Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong quản lý, điều hành và kinh doanh; biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet	K3	2.0
PLO7: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (biện chứng, phân tích, phán đoán);	S3	4.0
PLO8: Có kỹ năng làm việc nhóm.	S2	4.0
PLO9: Có kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, kỹ năng viết chuyên ngành;	S5	4.0
PLO10: Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp ngành, chuyên ngành.	C1	4.0
PLO11: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học;	C1	4.0
PLO12: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật hành chính, hình sựm dân sự đã được đào tạo;	S5, C4	5.0
PLO13: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về mặt pháp lý	S1	5.0

Danh mục các chuẩn đối sánh

(1) TĐNL – Trình độ năng lực chung

Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung

Thang TĐNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành/ triển khai trong	Khả năng Áp dụng / Phân tích
5.0	Có thể dẫn dắt/ sáng tạo trong	Khả năng Đánh giá/ Sáng tạo

(2) Khung TĐQG – Khung trình độ quốc gia – bậc 6

Kiến thức (K):

K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng (S):

S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

1.7. Cơ hội việc làm sau đại học

1.7.1. Cơ hội việc làm

- Chuyên gia về pháp luật hành chính, hình sự, dân sự có thể đảm nhiệm các vị trí công việc ở các cơ quan tư pháp, hành pháp, lập pháp, các đơn vị sự nghiệp, cơ quan, tổ chức ngoài quốc doanh;
- Chuyên viên, cán bộ, công chức, thư ký tại các cơ quan nhà nước như Tòa án Nhân dân các cấp, Viện kiểm sát Nhân dân các cấp, công an, các bộ ngành của chính phủ, Ủy ban nhân dân, sở, phòng, ban ở địa phương;
- Tổ chức nghiên cứu và các đơn vị tư vấn pháp lý (công ty luật, văn phòng luật, trọng tài thương mại).
- Chuyên viên tư vấn pháp lý, phân tích, giải quyết các tranh chấp về dân sự, hành chính, hôn nhân, gia đình, thừa kế;
- Luật sư tranh tụng tại các phiên tòa dân sự, hành sự, hành chính; luật sư tư vấn pháp lý tại các công ty luật;
- Trọng tài viên tại các trung tâm trọng tài thương mại;
- Pháp chế nội bộ tại các doanh nghiệp;
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật hành chính, hình sự, dân sự.

1.7.2. Cơ hội học tập

- Liên thông trong với các chương trình nâng cao ở bậc sau đại học của các trường đại học trong nước và quốc tế;

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng có thể đạt được sự thuận lợi để học tiếp và có thể thi để lấy các chứng chỉ hành nghề của Việt Nam, quốc tế như Luật sư, Kiểm sát viên, Công chứng viên...;

1.8. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Luật được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm: 128 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ GD-ĐT (cụ thể là quyết định 17/VBHN-BGDĐT), Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành của UEF. CTĐT được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, nhưng người học có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa 8 năm. Mỗi năm học có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè), mỗi học kỳ chính được phân thành 02 đợt, mỗi đợt có 8 tuần học, một tuần dự trữ và 1 tuần thi.

Theo lộ trình được thiết kế một số học phần đặc biệt được bố trí theo định hướng sau:

- Giảng dạy tiếng Anh: Các học phần Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở 03 học kỳ đầu HK1, HK2, HK3 từ HK4 trở đi, người học tham dự học các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn thực hiện giảng dạy bằng tiếng Anh); nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành;
- Giảng dạy kỹ năng: Học phần kỹ năng Project Design 1 được giảng dạy ở năm 1, Project Design 2 được giảng dạy ở năm 2, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó người học sẽ phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo;
- Giảng dạy chuyên môn: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các môn nhập môn, môn cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề ... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp (toàn thời gian tại đơn vị thực tập tối thiểu 12 tuần) và thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc 04 học phần chuyên môn sâu.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Hoạt động dạy – học được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Luật nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức lẫn, kỹ năng và thái độ. Chiến lược giảng dạy – học tập đa dạng được áp dụng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra đã xác định: Có kiến thức nền tảng rộng và sâu về lĩnh vực pháp lý – hành chính, hình sự, dân sự, có năng lực ứng dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực Luật; Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng pháp lý tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế trong trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu; Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của ngành, chuyên ngành; Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị...

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Thông tin được chuyển tải đến người học theo các trực tiếp: Giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược này áp dụng cho mô hình lớp học truyền thống và trong trường hợp truyền đạt thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các kỹ thuật giảng dạy cụ thể:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit Teaching): Giáo viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp sinh viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng;

- **Thuyết giảng** (Lecture): Giáo viên thuyết trình, diễn giảng: trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Sinh viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền dạt.
- **Tham luận** (Guest Lecture): Người thuyết giảng không phải là giáo viên mà những người đến từ bên ngoài (doanh nghiệp, cơ quan quản lý nghề nghiệp có liên quan). Thông qua kinh nghiệm và hiểu biết, diễn giả giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về ngành, chuyên ngành;
- **Câu hỏi gợi mở** (Inquiry): Trong quá trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó, dẫn dắt, hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời từng câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đã đặt ra;
- **Các kỹ thuật khác**: Ngoài các kỹ thuật trên giảng viên có thể áp dụng một số kỹ thuật khác như minh họa (demonstration).

1.9.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động

Chiến lược này khuyến khích sinh viên đạt mục tiêu học tập thông qua thực hành, thúc đẩy sinh viên khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với đối tượng khác. Chiến lược này còn gọi là phương pháp học tập dựa trên dự án, tạo điều kiện cho người học thể hiện vai trò trong cả hoạt động độc lập lẫn hợp tác. Sinh viên không chỉ thu thập được kiến thức mà còn phát triển kỹ năng và rèn luyện thái độ chịu trách nhiệm.

- **Trò chơi** (Games): Là những hoạt động mô phỏng hoặc các cuộc thi (có hợp tác, cạnh tranh) được tổ chức chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi giúp người học gặt hái được kiến thức thông qua ứng dụng thực tế, ra quyết định trong hoạt động mô phỏng nghề nghiệp, mặt khác, có thể phát triển kỹ năng làm việc nhóm và cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp sinh viên nhận thức về tầm ảnh hưởng của quyết định của mình đến bản thân và đến những người tham gia khác.
- **Thực tập, trải nghiệm thực tế** (Field Trip): Thông qua hoạt động tham quan, kiến tập, thực tập tại các doanh nghiệp, sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành nghề đang được đào tạo, tiếp cận công nghệ đang được ứng dụng, nhận diện dược các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và văn hóa làm việc tại công ty. Phương pháp này không chỉ giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn giúp người học tiếp cận cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.
- **Tranh luận** (Debates): Trong quá trình dạy học, giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên trình bày quan điểm khác nhau về vấn đề, lý giải, phân tích, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua phương pháp này, sinh viên hình thành kỹ năng tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định, rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông.
- **Thảo luận** (Discussion): Sinh viên được chia thành các nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập tình huống) do giảng viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên phân tích các định nghĩa, dữ liệu, nêu quan điểm và thảo luận với giảng viên về đề tài. Việc tiếp cận và lắng nghe nhiều quan điểm giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống.

1.9.3. Chiến lược dạy học dựa vào nghệ thuật

Giúp sinh viên phát triển khả năng sáng tạo, phát triển cảm xúc qua giao tiếp xã hội. Phương pháp đóng vai (Role Play) có vai trò chủ đạo thực hiện chiếc lược này, theo đó, người học được giả định vai trò khác nhau trong một tình huốn học tập và thực hiện tương tác nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể.

1.9.4. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy giúp người học phát triển tư duy phản biện, tư duy phân tích, thúc đẩy tư duy sang tạo độc lập cho sinh viên.

- **Giải quyết vấn đề** (Problem Solving): Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được kiến thức mới, phát triển kỹ năng thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết, tìm giải pháp cho vấn đề.
- **Tập kích não** (Brainstorming): Người học được chia nhóm, cùng chia sẻ và thảo luận ý tưởng cho vấn đề đặt ra.
- **Bài tập tình huống** (Case Study): Giảng viên đưa ra các tình huống, vấn đề trong thực tế có liên quan bài học yêu cầu sinh viên giải quyết. Sinh viên là chủ thể, là trung tâm giải quyết vấn đề, qua đó hình thành và phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng nghiên cứu.

1.9.5. Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược này giúp sinh viên trở nên năng động, có trách nhiệm thông qua việc thúc đẩy các nhóm tương tác. Trọng tâm là dạy sinh viên tương tác thành công với nhau nhằm chuyển thành kỹ năng tương tác hiệu quả trong xã hội. **Học nhóm** (Teamwork Learning) là phương pháp chủ đạo cho chiến lược này. Sinh viên được tổ chức thành nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra và trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm thông qua báo cáo/ thuyết trình trước lớp với sự điều khiển của giảng viên.

1.9.6. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Sinh viên xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm phương pháp phù hợp để giải quyết vấn đề hoặc báo các các kết quả nghiên cứu dựa trên các bằng chứng thu thập được. **Dự án nghiên cứu** (Project Research) được áp dụng trong một số môn học chuyên ngành và học phần cuối khóa nhằm giúp sinh viên phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu.

1.9.7. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp (Blended Model) nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning). Thông qua hệ thống quản trị học tập (LMS), giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số quá trình đào tạo ngành, chuyên ngành Luật trong bối cảnh của CMCN 4.0.

Hình 1.1- Cổng thông tin Eleaning của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp.HCM https://elearning.uef.edu.vn

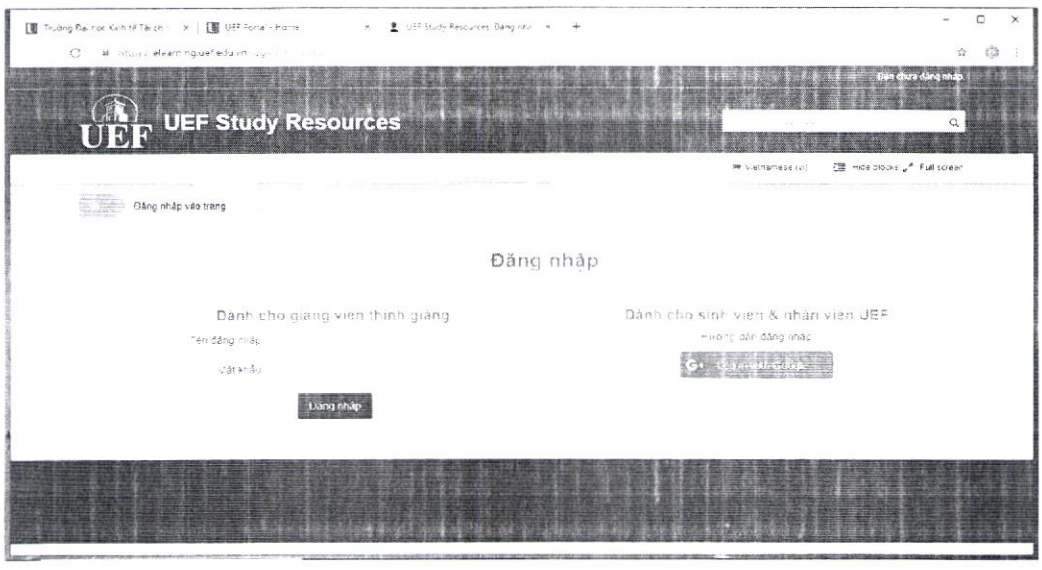

1.9.8. Chiến lược tự học

Chiến lược này nhằm hình thành kỹ năng học tập suốt đời, tự phát triển năng lực bản thân của sinh viên. **Các bài viết** (Work Assignment) được giảng viên cho về nhà nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Sinh viên chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết, thông qua đó sinh viên rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng nghiên cứu.

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá

1.10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa Luật và Quan hệ quốc tế thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẽ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Luật và Quan hệ quốc tế đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Luật được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going, Formative Assessment) và đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.10.1.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going, Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được UEF, Khoa Luật và Quan hệ quốc tế áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attenden check), đánh giá bài tập (work assigmeent), làm việc nhóm (team work), thuyết trình (oral presentation).

- **Đánh giá chuyên cần** (Attenden Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp, trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắng, chấp hành tốt nội quy, nền nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định: lý thuyết, thực hành, đồ án, thực tập, (Rubric 1, Rubric 4a, Rubric 6).
- **Đánh giá bài tập** (Work Assigmeent): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình** (Oral Presentation): Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 2a, 2b, 2c.

1.10.1.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được UEF, Khoa Luật và Quan hệ quốc tế sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (graduation report, Thesis).

- **Kiểm tra viết** (Written Exam): theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
- **Kiểm tra trắc nghiệm** (Multiple Choice Exam): Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.
- **Bảo vệ và thi vấn đáp** (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5b.
- **Viết báo cáo** (Written Report): người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ … trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 4b, 5a, 5b
- **Thuyết trình** (Oral Presentation): Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo Rubric 2a, 2b, 2c. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).
- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm. (Rubric 3)
- **Thực hành** (practice): Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể.
- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp** (graduation report, Thesis): Báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh

giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo (Rubric 4b, 5a, 5b).

1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubric)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Khoa Luật và Quan hệ quốc tế đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể thực hiện việc đánh giá người học theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như rubric đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các rubric đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo của ngành Luật.

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 128 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Luật

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	**Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành**	**24**	18,8 %
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**	**27**	21,0 %
1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**	**12**	9,4 %
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**	**35**	27,3 %
1.4.1	Khoa học xã hội	12	
1.4.2	Khoa học chính trị	11	
1.4.3	Pháp luật	3	
1.4.4	Tin học	3	
1.4.5	Thiết kế dự án	6	
1.5	**Kiến thức ngành gần, khác ngành**	**6**	4,7 %
1.6	**Kiến thức đại cương khác**	**24**	18,8 %
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	24	
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
	Tổng cộng:	**128**	**100%**

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (24 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cho người học những kiến thức cơ bản của nhóm ngành luật, diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức tổng quát về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý; giúp sinh viên có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế; Nắm bắt các kiến thức chung, cơ bản, nền tảng của nhóm ngành luật, các kiến thức phổ quát về quản lý hành chính nhà nước; các quyền, nghĩa vụ công dân, chế độ nhà nước, kiến thức về chủ thể kinh doanh. Kiến thức nền tảng về pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, lao động. Các môn học trong nhóm này như: Luật hành chính, Luật hiến pháp Việt Nam, Pháp luật về doanh nghiệp, Những vấn đề chung về luật dân sự, Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Pháp luật về tài sản và quyền sở hữu, Luật hình sự; Luật lao động.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (27 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học khả năng nhận biết, diễn giải kiến thức pháp luật vững chắc, nền tảng về giao dịch dân sự, thương mại, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, các kiến thức chuyên ngành về dân sự (Luật hợp đồng, Luật thương mại, Các hợp đồng dân sự thông dụng, Luật sở hữu trí tuệ); Đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào quản lý hành chính nhà nước về đất đai, thuế (Luật thuế, Luật đất đai), kiến thức nền tảng quy định về trình tụ, thủ tục giải quyết

các vụ án dân sự, hình sự, hành chính; kiến thức và kỹ năng cần thiết về kinh nghiệm làm việc, thực hành nghề nghiệp (Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hình sự, Thực tập tốt nghiệp).

2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học khả năng đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật; Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong quản lý, điều hành và kinh doanh; biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật hành chính, hình sự, dân sự đã được đào tạo; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về pháp lý.

Chuyên ngành Luật Dân sự: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ chuyên ngành luật dân sự: hôn nhân gia đình, thừa kế, chính sách an sinh xã hội, quyền lợi của người tiêu dùng (Pháp luật kinh doanh bất động sản, Pháp luật về hôn nhân gia đình và thừa kế, Pháp luật về an sinh xã hội, Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm)

Chuyên ngành Luật Hành chính: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ chuyên ngành luật hành chính: trách nhiệm bồi thường liên quan đến công chức, công vụ; pháp luật về khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, chế độ nhà nước (Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật tố tụng hành chính, Pháp luật thanh tra khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng, Luật hiến pháp nước ngoài)

Chuyên ngành Luật Hình sự: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ cho chuyên ngành luật hình sự, về khoa học điều tra, nghiệp vụ điều tra, xét xử, dấu hiệu các nhóm tội phạm cụ thể (Khoa học điều tra hình sự, Tội phạm học, Pháp luật phòng chống tham nhũng và tội phạm, Luật hình sự - phần các tội phạm)

Trong nhóm kiến thức nâng cao còn được xác định qua khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, để làm khóa luận tốt nghiệp theo các chuyên ngành sinh viên lựa chọn.

2.2.4. Kiến thức nền tảng rộng (35 tín chỉ):

Nhằm cung cấp cho người học

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô; kiến thức về xã hội học; kiến thức nền tảng và các nguyên tắc cũng như các nội dung cơ bản của quản trị.
- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác - Lênin, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội;
- Kiến thức về pháp luật Nhà nước, hình thành quan điểm, tầm nhìn, định hướng cho người học về hệ thống pháp luật Việt Nam;
- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày;
- Kiến thức, kỹ thuật để thiết kế và phát triển dự án. Qua đó, hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: soạn thảo văn bản, thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch, phát hiện và giải quyết vấn đề.

2.2.5. Kiến thức ngành gần, khác ngành (6 tín chỉ)

- Với nhóm ngành luật, các môn học ngành gần trong nhóm ngành luật là cần thiết để bổ trợ cho các môn học trong chương trình đào tạo ngành luật, có thể kể đến các môn học bổ trợ cho quá trình hội nhập quốc tế, như: Luật quốc tế, Luật môi trường.

- Nhóm các ngành luật nói chung và chuyên ngành luật nói riêng có mối quan hệ mật thiết với các ngành học chuyên ngành luật, trong đó có chuyên ngành luật quốc tế; đảm bảo cung cấp những nền tảng kiến thức về mối quan hệ chính trị, ngoại giao trong tương quan với các quy định về pháp luật hành chính, hình sự, dân sự (Luật quốc tế)
- Các hoạt động quản lý hành chính nhà nước; các giao dịch dân sự hay việc xử lý các sai phạm nghiêm trọng liên quan đến bảo vệ môi trường luôn có mối quan hệ mật thiết với môn học chuyên sâu về luật môi trường (Luật môi trường)

2.2.6. Kiến thức đại cương khác (27 tín chỉ)

Nhóm môn học này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng quan trọng trong giao tiếp và hội nhập:

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ (Tiếng Anh);
- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao vào quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất;
- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.2. Danh sách học phần trong chương trình ngành Luật

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết (*Lý thuyết-LT; Thực hành-TH; Thí nghiệm-TN; Bài tập-BT; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT*)					Mã HP trước	Mã HP song hành
				Tổng	LT	TH/ BT/ TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành			**24**							
1.1.1	LAW1104	Luật hành chính	3	45	45					
1.1.2	LAW1102	Luật hiến pháp Việt Nam	3	45	45					
1.1.3	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	45	45					
1.1.4	LAW1103	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	45	45					
1.1.5	LAW1108	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	45	45					
1.1.6	LAW1105	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu	3	45	45					
1.1.7	LAW1109	Luật hình sự	3	45	45					
1.1.8	LAW113E	Luật lao động	3	45	45					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi			**27**							
1.2.1	LAW1106	Luật hợp đồng	3	45	45					
1.2.2	LAW1156E	Các hợp đồng dân sự thông dụng	3	45	45					
1.2.3	LAW1111	Luật thương mại	3	45	45					
1.2.4	LAW1119E	Luật sở hữu trí tuệ	3	45	45					
1.2.5	LAW1114	Luật đất đai	3	45	45					
1.2.6	LAW1117	Luật thuế	3	45	45					

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết (Lý thuyết-LT; Thực hành-TH; Thí nghiệm-TN; Bài tập-BT; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)					Mã HP trước	Mã HP song hành
				Tổng	LT	TH/ BT/ TN	ĐA	TT		
1.2.7	LAW1112	Luật tố tụng dân sự	3	45	30	15				
1.2.8	LAW1115	Luật tố tụng hình sự	3	45	30	15				
1.2.9	LAW1368	Thực tập tốt nghiệp	3					X		
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ			**12**							
Sinh viên chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau hoặc khóa luận tốt nghiệp.			***12***							
	Chuyên ngành 1. Luật Dân sự									
1.3.1.1	LAW1127E	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3	45	45					
1.3.1.2	LAW1157E	Pháp luật về hôn nhân gia đình và thừa kế	3	45	45					
1.3.1.3	LAW1158E	Pháp luật về an sinh xã hội	3	45	45					
1.3.1.4	LAW1159E	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm	3	45	45					
1.3.1.5	LAW1469	Khóa luận tốt nghiệp	12				X			
	Chuyên ngành 2.Luật Hành chính									
1.3.2.1	LAW1160E	Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	3	45	45					
1.3.2.2	LAW1161E	Luật Tố tụng hành chính	3	45	45					
1.3.2.3	LAW1162E	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	3	45	45					
1.3.2.4	LAW1163E	Luật hiến pháp nước ngoài	3	45	45					
1.3.2.5	LAW1469	Khóa luận tốt nghiệp	12				X			
	Chuyên ngành 3. Luật Hình sự									
1.3.3.1	LAW1164E	Khoa học điều tra hình sự	3	45	45					
1.3.3.2	LAW1165E	Tội phạm học	3	45	45					
1.3.3.3	LAW1166E	Pháp luật về phòng chống tham nhũng và tội phạm	3	45	45					
1.3.3.4	LAW1167E	Luật Hình sự - Phần các tội phạm	3	45	45					

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết (Lý thuyết-LT; Thực hành-TH; Thí nghiệm-TN; Bài tập-BT; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)					Mã HP trước	Mã HP song hành
				Tổng	LT	TH/ BT/ TN	ĐA	TT		
1.3.3.5	LAW1469	Khóa luận tốt nghiệp	12				X			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng			**35**							
1.4.1 Khoa học xã hội			***12***							
1.4.1.1	SOC1101	Xã hội học	3	45	45					
1.4.1.2	ECO1101E	Kinh tế vi mô	3	45	45					
1.4.1.3	MGT1101E	Quản trị học	3	45	45					
1.4.1.4	ECO1102E	Kinh tế vĩ mô	3	45	45				ECO1101E	
1.4.2 Khoa học chính trị			***11***							
1.4.2.1	POL1111	Triết học Mác – Lênin	3	45	45					
1.4.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	30					
1.4.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30					
1.4.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30					
1.4.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30					
1.4.3 Pháp luật			***3***							
1.4.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	45	45					
1.4.4 Tin học			***3***							
1.4.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	3	60	30	30				
1.4.5 Thiết kế dự án			***6***							
1.4.5.1	SKI1107	Project design 1	3	45	45					
1.4.5.2	SKI1108	Project design 2	3	45	45				SKI1107	
1.5 Kiến thức ngành gần, khác ngành			***6***							
1.5.1	LAW1116E	Luật quốc tế	3	45	45					
1.5.2	LAW1110E	Luật môi trường	3	45	45					
1.6 Kiến thức đại cương khác			**27**							
1.6.1 Ngoại ngữ			***24***							
1.6.1.1	ENG2101	Tiếng Anh 1	4	60	45	15				
1.6.1.2	ENG2102	Tiếng Anh 2	4	60	45	15				
1.6.1.3	ENG2103	Tiếng Anh 3	4	60	45	15				
1.6.1.4	ENG2104	Tiếng Anh 4	4	60	45	15				
1.6.1.5	ENG2105	Tiếng Anh 5	4	60	45	15				
1.6.1.6	ENG2106	Tiếng Anh 6	4	60	45	15				
1.6.2	**Giáo dục thể chất** *(sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)*		***3***							
		Nhóm 1								

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết (Lý thuyết-LT; Thực hành-TH; Thí nghiệm-TN; Bài tập-BT; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)					Mã HP trước	Mã HP song hành
				Tổng	LT	TH/ BT/ TN	ĐA	TT		
1.6.2.1.1	GYM1311	GDTC-Aerobic 1	1	30	8	22				
1.6.2.1.2	GYM1312	GDTC-Aerobic 2	1	30	8	22				
1.6.2.1.3	GYM1313	GDTC-Aerobic 3	1	30	8	22				
		Nhóm 2								
1.6.2.2.1	GYM1321	GDTC-Vovinam 1	1	30	8	22				
1.6.2.2.2	GYM1322	GDTC-Vovinam 2	1	30	8	22				
1.6.2.2.3	GYM1323	GDTC-Vovinam 3	1	30	8	22				
		Nhóm 3								
1.6.2.3.1	GYM1331	GDTC-Boxing 1	1	30	8	22				
1.6.2.3.2	GYM1332	GDTC-Boxing 2	1	30	8	22				
1.6.2.3.3	GYM1333	GDTC-Boxing 3	1	30	8	22				
		Nhóm 4								
1.6.2.4.1	GYM1341	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1	1	30	8	22				
1.6.2.4.2	GYM1342	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2	1	30	8	22				
1.6.2.4.3	GYM1343	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3	1	30	8	22				
1.6.3	**Giáo dục quốc phòng an ninh**									
1.6.3.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh		165	90	75				

Ghi chú: Mã HP ký hiệu **xxxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh

2.4. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.3. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	ENG2101	Tiếng Anh 1	4							
2	LAW1101	Pháp luật đại cương	3							
3	ENG2102	Tiếng Anh 2	4							
4	ITE1201	Tin học đại cương	3							
5	LAW1102	Luật hiến pháp Việt Nam	3							
		Cộng:	**17**							
6	ENG2103	Tiếng Anh 3		4						
7	LAW1104	Luật hành chính		3						
8	ENG2104	Tiếng Anh 4		4						
9	SKI1107	Project design 1		3						
10	LAW1103	Những vấn đề chung về luật dân sự		3						
		Cộng:		**17**						
11	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh								
12	ENG2105	Tiếng Anh 5			4					
13	SKI1108	Project design 2			3					
14	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp			3					
15	ENG2106	Tiếng Anh 6			4					
16	MGT1101E	Quản trị học			3					
17	GYMxxxx	Giáo dục thể chất - 1			1					
		Cộng:			**18**					
18	ECO1101E	Kinh tế vi mô				3				
19	LAW1106	Luật hợp đồng				3				
20	GYMxxx	Giáo dục thể chất - 2				1				
21	ECO1102E	Kinh tế vĩ mô				3				
22	SOC1101	Xã hội học				3				
23	LAW1105	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu				3				
24	GYMxxxx	Giáo dục thể chất - 3				1				
		Cộng:				**17**				
25	POL1111	Triết học Mác – Lênin					3			
26	LAW1116E	Luật quốc tế					3			
27	LAW1108	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng					3			
28	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin					2			
29	LAW1111	Luật thương mại					3			
30	LAW1112	Luật tố tụng dân sự					3			
		Cộng:					**17**			
31	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học						2		
32	LAW1113E	Luật lao động						3		
33	LAW1110E	Luật môi trường						3		

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)							
			1	2	3	4	5	6	7	8
34	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh						2		
35	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam						2		
36	LAW1156E	Các hợp đồng dân sự thông dụng						3		
37	LAW1117	Luật thuế						3		
		Cộng:						**18**		
38	LAW1114	Luật đất đai							3	
39	LAW1119E	Luật sở hữu trí tuệ							3	
40	LAW1109	Luật hình sự							3	
41	LAW1115	Luật tố tụng hình sự							3	
42	LAW1469	Khóa luận tốt nghiệp (*Sinh viên chọn Khóa luận tốt nghiệp thay thế cho 4 học phần chuyên ngành sâu*)							12	
	Chuyên ngành Luật dân sự									
43	LAW1157E	Pháp luật về hôn nhân gia đình và thừa kế							3	
44	LAW1127E	Pháp luật kinh doanh bất động sản							3	
	Chuyên ngành Luật hành chính									
43	LAW1160E	Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước							3	
44	LAW1161E	Luật Tố tụng hành chính							3	
	Chuyên ngành Luật hình sự									
43	LAW1164E	Khoa học điều tra hình sự							3	
44	LAW1165E	Tội phạm học							3	
		Cộng:							**18**	
	Chuyên ngành Luật dân sự									
45	LAW1158E	Pháp luật về an sinh xã hội								3
46	LAW1159E	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm								3
	Chuyên ngành Luật hành chính									
45	LAW1162E	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng								3
46	LAW1163E	Luật hiến pháp nước ngoài								3
	Chuyên ngành Luật hình sự									
45	LAW1166E	Pháp luật về phòng chống tham nhũng và tội phạm								3
46	LAW1167E	Luật Hình sự - Phần các tội phạm								3
47	LAW1368	Thực tập tốt nghiệp								3
		Cộng:								**9**
Cộng:			**17**	**17**	**18**	**17**	**17**	**18**	**18**	**9**

Hình 2.1. Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành Luật

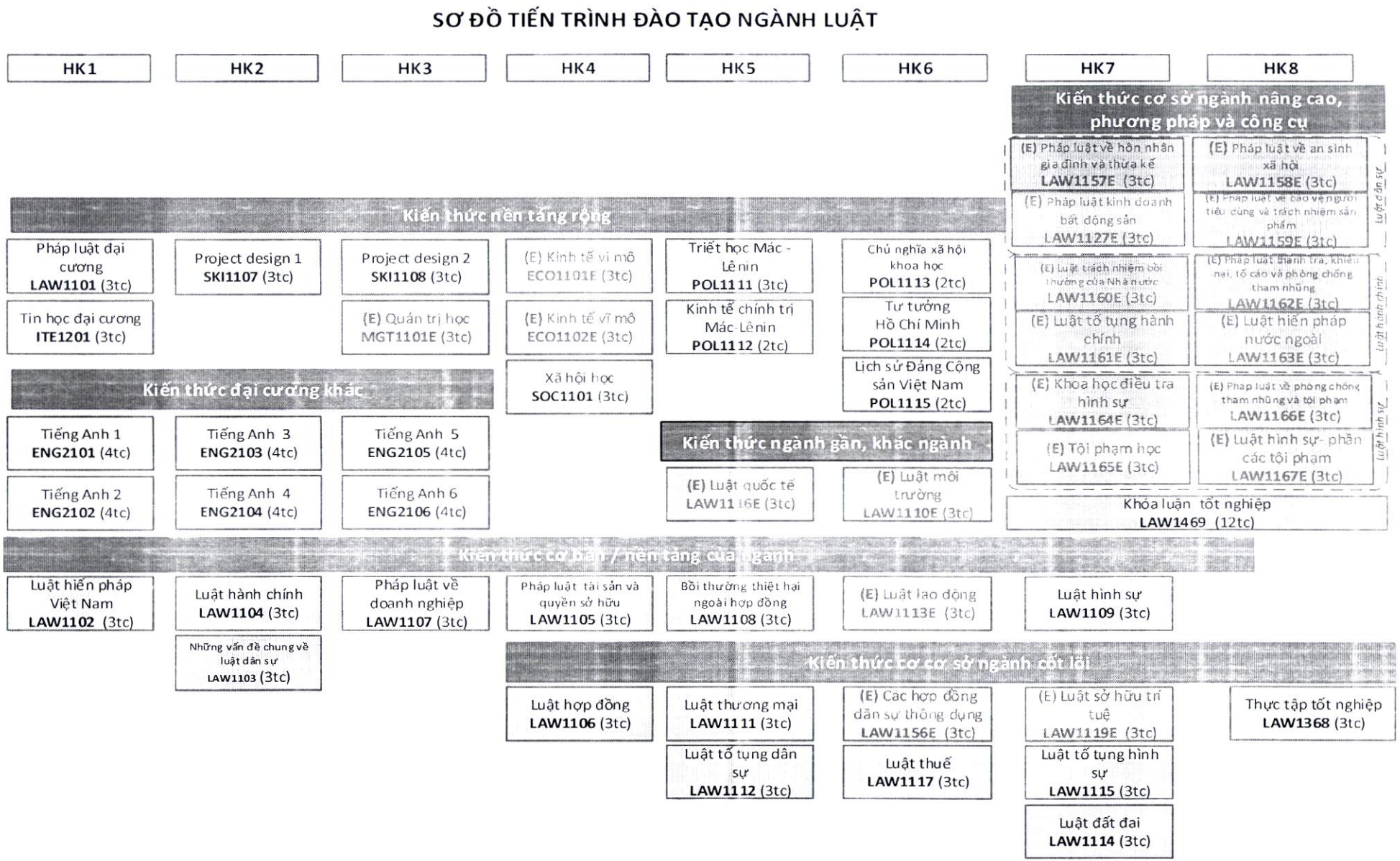

Hình 2.2. Sơ đồ kế hoạch tổ chức giảng dạy các học phần ngành Luật

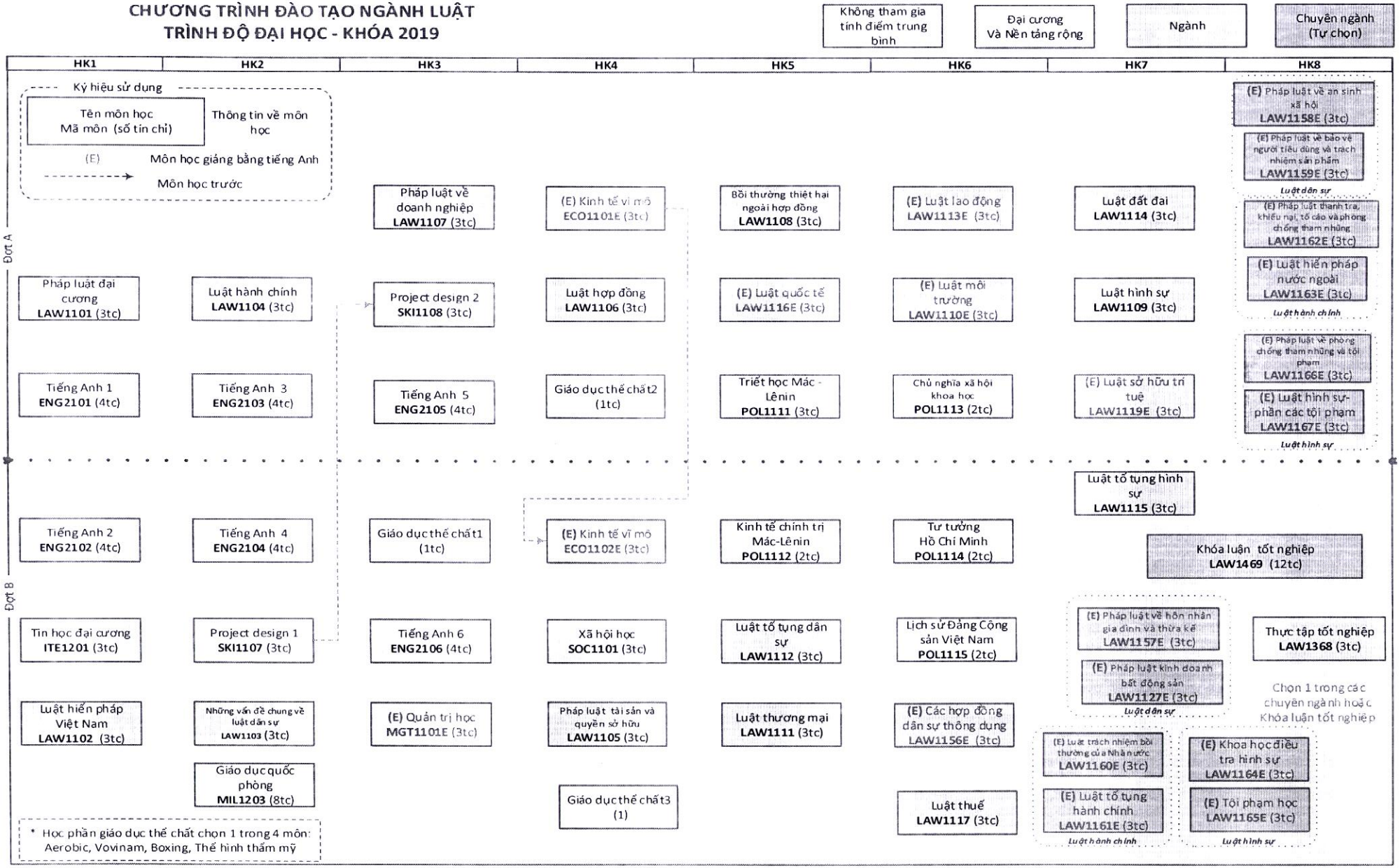

2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Luật hành chính: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hành chính và Luật tố tụng hành chính Việt Nam, bao gồm:

- Các kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước như những khái niệm, nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước.
- Những vấn đề về thủ tục và quyết định hành chính, vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính và những biện pháp cưỡng chế hành chính.
- Những nguyên nhân đã dẫn đến sự hình thành, thay đổi của tài phán hành chính, luật tố tụng hành chính. Thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân và toàn bộ trình tự, thủ tục để giải quyết một vụ án hành chính.

Luật hiến pháp Việt Nam: 03 tín chỉ.

Học phần trang bị cho người học kiến thức lý luận cơ bản về Hiến pháp Việt Nam - đạo luật cơ bản của mỗi nhà nước hiện đại, bao gồm:

- Những quan điểm, nhận thức về quyền con người, quyền công dân và tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong điều kiện xây dựng chế độ hiến pháp và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Các kiến thức cơ bản để có nhận thức đúng về thực hiện quyền lực nhà nước và cơ chế pháp lý kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước (bản chất kiểm soát quyền lực nhà nước, thực tiễn thực hiện và hoàn thiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam) để nâng cao chất lượng cuộc sống của các cá nhân và hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong xã hội.

Pháp luật về doanh nghiệp: 03 tín chỉ.

Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

- Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh.
- Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật.
- Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.

Những vấn đề chung về luật dân sự: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận của luật dân sự và các quy định của pháp luật về những vấn đề chung của luật dân sự Việt Nam. Nội dung chương trình môn học gồm 7 bài: bao gồm những nội dung chính sau đây: Khái niệm, nhiệm vụ, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật Dân sự Việt nam; hệ thống luật dân sự Việt Nam; phân biệt Luật dân sự với các ngành luật khác; khoa học luật dân sự; quan hệ pháp luật dân sự; chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện trong quan hệ pháp luật dân sự, thời hạn, thời hiệu, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như những căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, các nguyên tắc bồi thường cũng như xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể. Nắm bắt bản chất của cơ chế, hoạt động của pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Vận dụng, giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Pháp luật tài sản và quyền sở hữu: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận và những quy định của pháp luật về các chế định sở hữu tài sản, quyền sở hữu trí tuệ và quyền thừa kế. Chế định về tài sản và quyền sở hữu là chế định trung tâm không những của luật dân sự mà của cả hệ thống pháp luật nói chung. Bất kỳ sự thay đổi nào của chế định về tài sản và quyền sở hữu sẽ dẫn đến các thay đổi tương ứng trong các quy định của các ngành luật khác. Từ những kiến thức lý luận và quy định của pháp luật, sinh viên có thể giải quyết những tình huống, quan hệ dân sự trong thực tế.

Luật hình sự: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống lý luận cơ bản về Luật hình sự, tội phạm, cấu thành tội phạm; trên cơ sở đó sinh viên có thể tự giải các bài tập với các yêu cầu cụ thể được đặt ra trong thực tiễn như: nhận diện tội phạm trong vụ việc cụ thể; xác định giai đoạn phạm tội, vai trò đồng phạm trong các vụ án, xác định rõ những trường hợp loại trừ TNHS; xác định khung hình phạt, tổng hợp hình phạt, xác định giới hạn hình phạt cho phép áp dụng trong các tình huống cụ thể, bình luận về phần hình phạt đối với các bản án hình sự đã tuyên. Trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận và làm chủ hệ thống kiến thức về các nhóm tội phạm để vận dụng một cách có hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp; bước đầu xây dựng cho sinh viên những kỹ năng định tội và quyết định hình phạt.

Luật lao động: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết về luật lao động, như:

- Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường
- Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động
- Những nguyên tắc của ngành luật
- Hệ thống và nguồn của luật lao động
- Sơ lược về lịch sử Luật Lao động Việt Nam từ Cách mạng tháng 8 đến nay
- Quan hệ pháp luật lao động
- Giới thiệu khái quát về các chế định cơ bản của Luật Lao động

Luật hợp đồng: 03 tín chỉ.

Pháp luật hợp đồng được định nghĩa là sự thỏa thuận giữa các chủ thể nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong những quan hệ xã hội cụ thể. Trong các hợp đồng yếu tố cơ bản nhất là sự thỏa hiệp giữa các ý chí, tức là có sự ưng thuận giữa các bên với nhau. Đương nhiên tự do hợp đồng không phải là tự do tuyệt đối. Nhà nước buộc các bên khi giao kết hợp đồng phải tôn trọng đạo đức, trật tự xã hội, trật tự công cộng. Trong những trường hợp thật cần thiết, nhân danh tổ chức quyền lực công, nhà nước có thể can thiệp vào việc ký kết hợp đồng và do đó giới hạn quyền tự do giao kết hợp đồng. Tuy nhiên sự can thiệp này phải là sự can thiệp hợp lý và được pháp luật quy định chặt chẽ để tránh sự lạm dụng, vi phạm quyền tự do hợp đồng. Pháp luật về hợp đồng bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.

Các hợp đồng dân sự thông dụng: 03 tín chỉ.

Là hệ thống các vấn đề lý luận chung và thực tiễn xây dựng các điều khoản cho từng loại hợp đồng dân sự thông dụng, môn học cung cấp các kiến thức, như nghiên cứu các khái niệm, hình thức, và nội dung của một số loại hợp đồng dân sự thông dụng: Hợp đồng mua bán tài sản; Hợp đồng trao đổi tài sản; Hợp đồng tặng cho tài sản; Hợp đồng mua bán nhà ở; Hợp đồng ủy quyền; Hợp đồng dịch vụ; Hợp đồng gia công; Hợp đồng vận chuyển hành khách; Hợp đồng vận chuyển tài sản…

Luật thương mại: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.

Luật sở hữu trí tuệ: 03 tín chỉ.

Học phần Luật sở hữu trí tuệ trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ, như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ, vấn đề đối tượng của sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, thời hạn bảo hộ, quyền và nghĩa vụ của chủ thể, cơ chế bảo hộ. Ngoài ra, nội dung cụ thể về các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ như quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh; quyền đối với giống cây trồng sẽ được đi sâu phân tích, lý giải để từ đó đề ra cơ chế bảo hộ hữu hiệu đối với từng đối tượng cụ thể.

Luật đất đai: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về Luật đất đai và phân biệt được Luật đất đai với các lĩnh vực pháp luật dân sự và hành chính. Sinh viên biết và hiểu được chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chế độ pháp lý đối với các loại đất, vấn đề giải quyết tranh chấp đất đai.

Luật thuế: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận nền về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân… Môn học cũng trang bị cho sinh viên cách đọc và hiểu văn bản thuế.

Luật tố tụng dân sự: 03 tín chỉ.

Phần một của môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tố tụng dân sự cho sinh viên như khái niệm tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự, vấn đề thẩm quyền xét xử của Tòa án, vấn đề về chứng cứ và chứng minh, các biện pháp khẩn cấp tạm thời, thời hạn, thời hiệu trong tố tụng, án phí và các chi phí tố tụng.

Phần hai của môn học cung cấp kiến thức cho sinh viên về trình tự, thủ tục tố tụng theo từng giai đoạn tố tụng từ lúc khởi kiện cho đến lúc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Trong phần học này cũng bao gồm cả sự phân biệt giữa thủ tục giải quyết vụ án dân sự và thủ tục giải quyết việc dân sự trong tố tụng dân sự.

Luật tố tụng hình sự: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp kiến thức và năng lực cho sinh viên:

- Nêu được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự;
- Xác định và phân biệt được địa vị pháp lí của các chủ thể trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự;
- Hiểu được bản chất, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ và những vấn đề khác có liên quan đến việc chứng minh;
- Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các hoạt động cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự.
- Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; xét xử phúc thẩm; giám đốc thẩm; tái thẩm.
- Hiểu được nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này; các biện pháp ngăn chặn
- Nhận thức được những quy định chung về thi hành án, trình tự, thủ tục, chủ thể thi hành bản án và quyết định của toà án.

Pháp luật kinh doanh bất động sản: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bất động sản và kinh doanh bất động sản; nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia vào các hoạt động liên quan đến bất động sản như: mua bán nhà, cho thuê, thuê lại, thuê mua và các hoạt động phát sinh liên quan đến bất động sản như dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học nghiên cứu về quy trình quản lý của nhà nước trong các hoạt động chuyển giao một phần hoặc toàn phần bất động sản hình thành trong tương lai giữa các chủ đầu tư.

Pháp luật về hôn nhân gia đình và thừa kế: 03 tín chỉ.

Học phần Pháp luật về Hôn nhân gia đình và thừa kế, cung cấp các kiến thức về pháp luật HNGĐ và thừa kế, cụ thể: Nội dung lần lược nghiên cứu những vấn đề lý luận giới thiệu các hình thái HN&GĐ trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Đặc biệt, môn học giới thiệu các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; Quan hệ vợ chồng; Quan hệ cha mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; Chấm dứt hôn nhân; Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Nội dung pháp luật về Thừa kế (Khái niệm, đặc điểm và các quy định chung về thừa kế tài sản, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật....).

Pháp luật về an ninh xã hội: 03 tín chỉ.

Học phần này nghiên cứu những vấn đề chung về Luật An sinh xã với các vấn đề như : Khái niệm về Luật An sinh xã hội: Khái niệm,đặc điểm,đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật An sinh xã hội..,vai trò của Luật An sinh xã hội, mối quan hệ giữa Luật an sinh xã hội và các luật khác, hệ thống nguồn, lịch sử hình thành phát triển , nội dung chế độ ASXH trong các văn kện quốc tế về quyền con người); Bảo hiểm xã hội (BHXH bắt buộc, tự nguyện thất nghiệp); Bảo hiểm y tế (BHYT bắt buộc, tự nguyện); Chế độ ưu đãi xã hội . Trợ cấp xã hội; và giải quyết tranh chấp về ASXH.

Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm: 03 tín chỉ.

Học phần Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm giới thiệu cho sinh viên các nội dung kiến thức sau đây: Một là, giới thiệu về những vấn đề lý luận chung về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm ở Việt Nam và trên thế giới. Hai là, đánh giá vai trò các thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm ở Việt Nam. Ba là, phân tích trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng và và các chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng Bốn là, giới thiệu các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đối với các hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung do tổ chức, cá nhân kinh doanh đơn phương soạn thảo. Năm là, trình bày các phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: 03 tín chỉ.

Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước giúp sinh viên nắm bắt các quy định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án; thiệt hại được bồi thường; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại; cơ quan giải quyết bồi thường; thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường; phục hồi danh dự; kinh phí bồi thường; trách nhiệm hoàn trả; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác bồi thường nhà nước.

Luật tố tụng hành chính: 03 tín chỉ.

Là hệ thống các vấn đề lý luận và pháp lý về Luật tố tụng hành chính, bao gồm:

- Những vấn đề chung về tài phán hành chính và tố tụng hành chính, bao gồm: tài phán hành chính (đặc điểm tài phán hành chính; tổ chức cơ quan xét xử hành chính của một số nước trên thế giới; tổ chức cơ quan xét xử hành chính ở Việt Nam); vụ án hành chính; Luật tố tụng hành chính với tư cách là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (thể hiện ở đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng hành chính); quan hệ pháp luật tố tụng hành chính; nhiệm vụ của Luật tố tụng hành chính: Luật tố tụng hành chính với tư cách là một ngành khoa học pháp lý chuyên ngành trong hệ thống pháp luật Việt Nam (thể hiện ở đối tượng và phương pháp nghiên cứu của khoa học Luật tố tụng hành chính); các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hành chính Việt Nam...
- Thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân: bao gồm thẩm quyền theo lãnh thổ và thẩm quyền theo loại việc.
- Cơ quan tiến hành tố tụng hành chính; người tiến hành tố tụng hành chính; người tham gia tố tụng hành chính
- Các giai đoạn xét xử hành chính (khởi kiện, thụ lý vụ án hành chính; chuẩn bị xét xử; xét xử sơ thẩm; thi hành án hành chính). Các thủ tục đặc biệt như giám đốc thẩm, tái thẩm.Vấn đề thi hành án hành chính

Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng: 03 tín chỉ.

Là hệ thống các vấn đề lý luận pháp lý về khiếu nại, tố cáo và hệ thống các vấn đề lý luận pháp lý về phòng, chống tham nhũng được phân bổ thành 3 tín chỉ, bao gồm:

- Những vấn đề chung về khiếu nại, tố cáo, bao gồm: khái niệm khiếu nại, tố cáo; phạm vi áp dụng pháp luật về khiếu nại, tố cáo; nguyên tắc giải quyết khiếu nại và tố cáo; những hành vi bị nghiêm cấm khiếu nại, tố cáo. Thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- Đối tượng khiếu nại, tố cáo; Vấn đề quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo;
- Những vấn đề chung về phòng, chống tham nhũng, bao gồm: khái niệm tham nhũng; các hành vi tham nhũng; khái niệm phòng, chống tham nhũng ; nguyên tắc xử lý tham nhũng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng;
- Các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng như: công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ

quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức; chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức;

- Vấn đề phát hiện tham nhũng và xử lý tham nhũng như: ý nghĩa của việc phát hiện tham nhũng, các biện pháp phát hiện tham nhũng; xử lý người tham nhũng, xử lý tài sản tham nhũng; các vấn đề về Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng và đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng; vấn đề giám sát công tác phòng, chống tham nhũng.

Luật hiến pháp nước ngoài: 03 tín chỉ.

Giới thiệu những khái niệm cơ bản về Hiến pháp, Luật Hiến pháp; lịch sử lập hiến thế giới và một số chế định của Luật Hiến pháp thế giới như chế độ chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước một số quốc gia trên thế giới; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động của Quốc hội, Nghị viện, Tổng thống, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Chính quyền địa phương. Các hình thức chính thể, cấu trúc và chế độ chính trị của các quốc gia trên thế giới.

Khoa học điều tra hình sự: 03 tín chỉ.

Nghiên cứu về đối tượng, nhiệm vụ và hệ thống của khoa học điều tra hình sự; về dấu vết tội phạm, chiến thuật bắt người, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, khám xét. Nghiên cứu về nguyên tắc tiến hành và chiến thuật khi tiến hành một số hoạt động điều tra.

Phân tích các vai trò và ý nghĩa của khoa học điều tra hình sự trong việc phát hiện và xử lý các vấn đề pháp lý, hỗ trợ tích cực trong quy trình tố tụng hình sự.

Tội phạm học: 03 tín chỉ.

Nghiên cứu về tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm, vấn đề nhân thân người phạm tội, các biện pháp phòng ngừa và dự báo tình hình tội phạm trong xã hội. Tội phạm học là một trong các khoa học pháp lý – xã hội hiện nay giữ vai trò quan trọng trong hoạt động nghiên cứu lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Pháp luật về phòng chống tham nhũng và tội phạm: 03 tín chỉ.

Cung cấp kiến thức pháp luật về phòng chống tham nhũng và một số nhóm tội phạm cụ thể:

- Những vấn đề chung về phòng, chống tham nhũng, bao gồm: khái niệm tham nhũng; các hành vi tham nhũng; khái niệm phòng, chống tham nhũng ; nguyên tắc xử lý tham nhũng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng.
- Các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng như: công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức; chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức
- Vấn đề phát hiện tham nhũng và xử lý tham nhũng như: ý nghĩa của việc phát hiện tham nhũng, các biện pháp phát hiện tham nhũng; xử lý người tham nhũng, xử lý tài sản tham nhũng; các vấn đề về Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng và đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng; vấn đề giám sát công tác phòng, chống tham nhũng.
- Phân tích nhóm nhóm các tội phạm về chức vụ; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Luật hình sự - phần các tội phạm: 03 tín chỉ.

Phân tích dấu hiệu pháp lý của các loại tội phạm phổ biến và đường lối xử lý đối với tội phạm cụ thể, như: Các tội phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội phạm sở hữu; các tội phạm chế độ hôn nhân và gia

đình; Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

Thực tập tốt nghiệp: 3 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên:

- Tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai;
- Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập;
- Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp.
- Sau khi kết thúc thời gian thực tập sinh viên có thể:
- Hiểu và mô tả được những đặc trưng, cơ cấu tổ chức quản lý, chức năng và nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thực tập;
- Mô tả được (những) quy trình nghiệp vụ cụ thể, quy trình pháp lý hoặc quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp tại đơn vị thực tập;
- Biết, hiểu và vận dụng được những kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn tại một bộ phận nghiệp vụ phù hợp ngành, chuyên ngành đào tạo;
- Tổng hợp và trình bày được kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động của đơn vị trong thời gian gần nhất;
- Phát triển khả năng kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.

Khóa luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một chuyên đề tốt nghiệp. Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên:

- Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của cả ngành, của thị trường. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định;
- Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography);
- Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu.
- Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

Xã hội học: 03 tín chỉ.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý

giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học; biết triển khai đề tài nghiên cứu xã hội học.

Kinh tế vi mô: 3 tín chỉ

Thị trường được hình thành thông qua sự tương tác giữa cung và cầu, quá trình phân tích hành vi người tiêu dùng và nhà sản xuất giúp hiểu được sự hình thành thị trường và cơ sở vận động của thị thường, các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh đang chi phối thị trường. Từ đó sinh viên được trang bị công cụ phân tích để tiếp cận và hiểu các học phần tiếp theo.

Quản trị học: 3 tín chỉ

Học phần Quản trị học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.

Kinh tế vĩ mô: 3 tín chỉ

Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô bao gồm: Đo lường tổng sản lượng quốc gia; Xác định sản lượng cân bằng quốc gia; chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; sự phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ trong nền kinh tế; Lạm phát và thất nghiệp; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

Triết học Mác – Lênin: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp kiến thức triết học, bao gồm: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật (CNDV) biện chứng, gồm vất đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của CNDV biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 02 tín chỉ

Nội dung học phần gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc trong phát triển của Việt Nam.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: 02 tín chỉ

Nội dung Học phần gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKH theo mục tiêu môn học.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh có 6 chương, bao gồm những nội dung về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước Việt Nam; Đoàn kết; Văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 02 tín chỉ

Môn học ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể như sau: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Tin học đại cương: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin
- Khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều hành quản lý: tập tin, thư mục, ổ đĩa, ...
- Tiện ích trên Internet: web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, ...
- Sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng.
- Ứng dụng soạn thảo văn bản.
- Ứng dụng bảng tính.
- Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình diễn.

Project design 1: 3 tín chỉ

Học phần Thiết kế dự án 1 đóng vai trò quan trọng (như mục tiêu nêu trên) trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn quốc tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận hành] trong giáo dục đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về kỹ năng của thị trường lao động.

Project design 2: 3 tín chỉ

Với quan niệm "Người học là trung tâm", môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8)Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hoá giải pháp. Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp.

Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và lô-gic cao.

Luật quốc tế: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp những kiến thức sau:

- Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế;
- Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia;

- Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia;
- Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế;
- Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế
- Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia;
- Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự

Luật môi trường: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp kiến thức về lĩnh vực luật môi trường, một số khái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực: kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường... để có cơ sở khoa học tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ thuật (vốn rất phổ biến trong hệ thống vác văn bản pháp luật môi trường) và thấy được mối quan hệ giữa khoa học pháp lý về môi trường với các khoa học khác về môi trường. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật môi trường, các nguyên tắc của luật môi trường, nguồn và cấu trúc nguồn của luật môi trường. Pháp luật quy định về tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử…

Tiếng Anh 1: 4 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè,…), giao tiếp học thuật và công sở.

Tiếng Anh 2: 4 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần GEP 1. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc như các vấn đề liên quan đế cá nhân, đưa ra yêu cầu, đặt và mua hàng, nói chuyện trên điện thoại, thể hiện sự quan tâm đến nội dung cuộc đàm thoại.

Tiếng Anh 3: 4 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc và tương đối phức tạp trong giao tiếp hằng ngày như nghe và chia sẻ các vấn đề của người khác, khiếu nại, xin lỗi và thể hiện sự đồng cảm.

Tiếng Anh 4: 4 tín chỉ

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

Tiếng Anh 5: 4 tín chỉ

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS.

Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc.

Tiếng Anh 6: 4 tín chỉ

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Môn học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc. Học phần hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Giáo dục thể chất 1, 2, 3: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam.

Giáo dục quốc phòng an ninh: 165 tiết *(03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2017)*

Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

2.6. Mô tả giảng dạy kỹ năng

- Giảng dạy kỹ năng mềm: Học phần kỹ năng Project Design 1 được giảng dạy ở năm 1, Project Design 2 được giảng dạy ở năm 2, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó người học sẽ phát triển các kỹ năng qua các học phần cốt lõi ngành và học phần cốt lõi nâng cao ở các học kỳ năm học tiếp theo;

- Giảng dạy kỹ năng tiếng Anh: Các học phần Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở 03 học kỳ đầu HK1, HK2, HK3 từ HK4 trở đi, người học tham dự học các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn thực hiện giảng dạy bằng tiếng Anh); nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành.

2.7. Mô tả trình tự giảng dạy kỹ năng

2.7.1. Tiến trình giảng dạy kỹ năng mềm

Hình 2.3. Tiến trình giảng dạy kỹ năng mềm

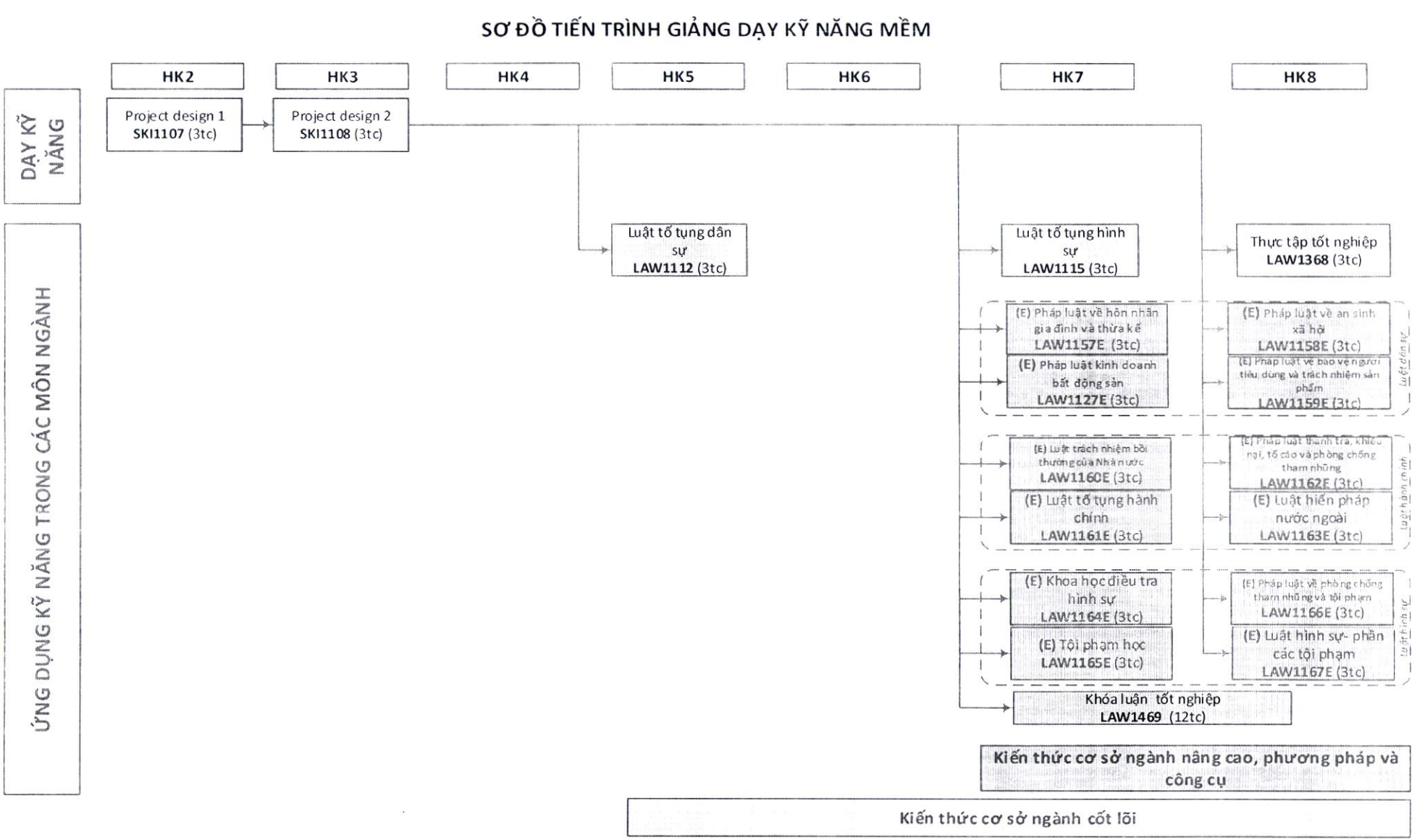

2.7.2. Tiến trình giảng dạy kỹ năng Tiếng Anh

Hình 2.4. Tiến trình giảng dạy kỹ năng tiếng Anh

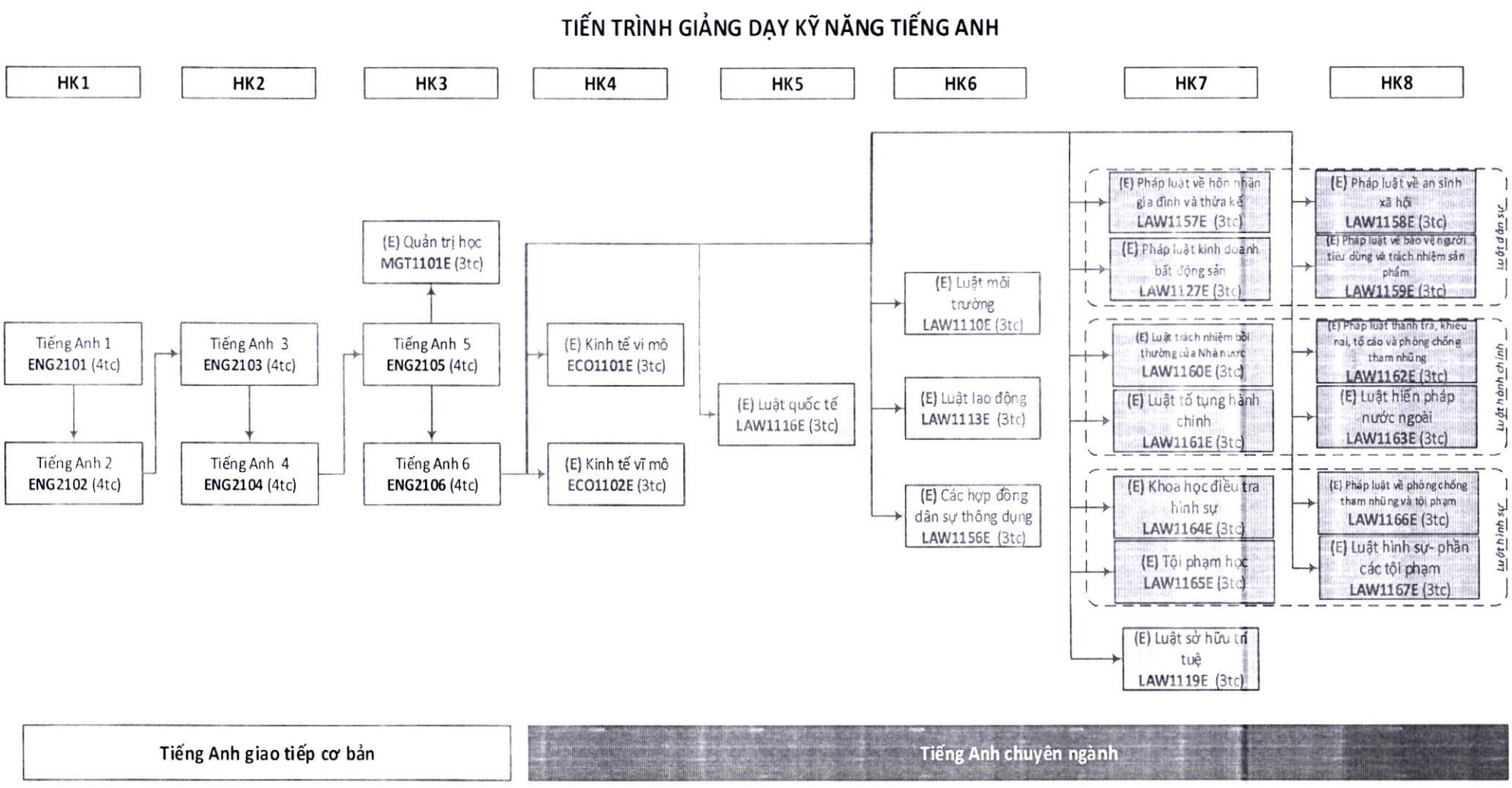

2.8. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

2.8.1. Tên chương trình đào tạo tham khảo:

Trong nước:

- Chương trình đào tạo ngành Luật dân sự. Trường ĐH Kinh tế - Luật TP.HCM (UEL)

Nước ngoài:

- The University of Melbourne, Australia – Melbourne Juris Doctor;
- Kingston University London – Ngành Luật (https://www.kingston.ac.uk/undergraduate/courses/law-llb/)

2.8.2. So sánh các chương trình đào tạo

Bảng 2.4.a. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

Chương trình	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo UEF	Mức độ giống nhau
Trường Đại học Kinh tế - Luật TP. Hồ Chí Minh	Cấu trúc	Chương trình đào tạo Luật dân sự bao gồm 130 tín chỉ (bao bao gồm 12 tín chỉ ngoại ngữ và 165 tiết giáo dục quốc phòng, 5 tiết giáo dục thể chất), trong đó: số tín chỉ bắt buộc là 88 tín chỉ; số tín chỉ tự chọn là 32 tín chỉ và thực tập, khóa luận tốt nghiệp là 10 tín chỉ..	Gồm 131 tín chỉ, trong đó khối lượng kiến thức tích lũy là 128 tín chỉ, khối kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết). Kiến thức đại cương: 59 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành: 69 tín chỉ. Trong đó kiến thức bắt buộc 57 tín chỉ; tự chọn 12 tín chỉ; Kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ.	Nhìn chung kết cấu chương trình đào tạo, trong cấu trúc khá tương đồng: 130 và 131 tín chỉ. Phần kiến thức đại cương của UEF gồm 58 tín chỉ: trong đó có 06 học phần tiếng anh tương đương 24TC. Còn lại các môn đại cương khác về chính trị, tư tưởng, tin học có sự tương đồng về số tín chỉ.
	Nội dung	Học phần tiếng anh: 12 tín chỉ, bằng ½ so với UEF. Số tín chỉ bắt buộc là 88 tín chỉ; số tín chỉ tự chọn là 32 tín chỉ và thực tập, khóa luận tốt nghiệp là 10 tín chỉ. Thực tập 4 tín chỉ.	Có khác học phần tốt nghiệp: UEF chọn 04 môn học chuyên đề (12 tín chỉ) hoặc chọn làm khóa luận 12 tín chỉ (với SV đủ điều kiện). Số tín chỉ thực tập của SV UEF là 03 tín chỉ	Kết cấu các môn học khá tương đồng cả về phần sắp xếp môn đại cương và chuyên ngành. Có sự khác biệt về số tín chỉ ở học phần thực tập; chuyên đề tốt nghiệp và khóa luận.

Bảng 2.4.b. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo ngoài nước

Chương trình	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo UEF	% nội dung giống nhau
The University of Melbourne, Australia – Melbourne Juris Doctor	Cấu trúc	- Sinh viên có thể học chương trình 3 năm (tiêu chuẩn) hoặc chương trình linh động là 2.5 hoặc 3.5 năm, dài nhất là 4 năm. Tổng cộng là 24 môn học trong đó có 16 môn bắt buộc và 8 môn tự chọn. Mỗi môn được quy định là 12.5 tín chỉ. - Năm 1 với 8 môn học bắt buộc. (Legal Method and Reasoning, Principles of Public Law, Obligations, Disputes and Ethics, Constitutional Law, Contracts, Torts, Legal Theory. - Năm 2 học 6 môn bắt buộc và 2 môn tự chọn, năm 3 học 2 môn bắt buộc và 6 môn tự chọn trên tổng số hơn 50 môn tự chọn. - Sinh viên có thể đi thực tập vào những kỳ nghỉ.	Gồm 131 tín chỉ, trong đó khối lượng kiến thức tích lũy là 128 tín chỉ, khối kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết). Kiến thức đại cương: 59 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành: 69 tín chỉ. Trong đó kiến thức bắt buộc 57 tín chỉ; tự chọn 12 tín chỉ; Kiến thức không tích lủy: 03 tín chỉ.	Cấu trúc chương trình có về cơ bản giống nhau tương đối ở khung thời gian đào tạo, tối đa là 04 năm học cho chương trình cử nhân (đúng tiến độ). Về số môn học và kết cấu chương trình có sự khác biệt trong CTĐT Luật.
	Nội dung	Về tên gọi các môn học có tên gọi tương tự nhau ở nhiều môn học khi dịch ra tiếng Việt.		
		Các môn khác biệt:	- Tin học đại cương. - Mác – lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Pháp luật về doanh nghiệp	Tuy có sự khác nhau nhiều môn học, tuy nhiên về các môn học chuyên ngành tương thích có khoảng 80% các môn học giống nhau về tên môn học

Chương trình	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo UEF	% nội dung giống nhau
Kingston University London – Ngành Luật	Cấu trúc	- Sinh viên có thể học chương trình 4 năm hoặc 5 năm. (thông thường Sinh viên sẽ phải hoàn tất một năm đầu gọi là năm 0 (year zero hay foundation year) với khối kiến thức nhập môn cơ bản và trau dồi đủ năng lực ngoại ngữ trước khi làm quen với cách học và môi trường mới tại Đại học. - Năm 1 với 4 môn học đại cương (Legal System and Methods, Law of Contract, Public Law, Law of Tort) và 1 môn học về kỹ năng nghề nghiệp ở giai đoạn đầu. Ngoài ra ngay từ học kỳ hè của năm đầu tiên sinh viên có thể tham gia học phần tự chọn về kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp hoặc thực tập với thời gian tối thiểu khoảng 2 tuần. - Năm 2 - năm 4 sẽ hoàn thành khoảng 5 môn học bắt buộc, 5 môn tự chọn và các học phần kỹ năng nghề nghiệp, thực tập, khóa luận tốt nghiệp. - Có kỳ thực tập lớn vào năm 3	Gồm 131 tín chỉ, trong đó khối lượng kiến thức tích lũy là 128 tín chỉ, khối kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết). Kiến thức đại cương: 59 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành: 69 tín chỉ. Trong đó kiến thức bắt buộc 57 tín chỉ; tự chọn 12 tín chỉ; Kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ.	Cấu trúc chương trình có về cơ bản giống nhau tương đối ở khung thời gian đào tạo, là 04 năm học cho chương trình cử nhân (đúng tiến độ). Về số môn học và kết cấu chương trình có sự khác biệt trong CTĐT Luật.
	Nội dung	Về tên gọi các môn học có tên gọi tương tự nhau ở nhiều môn học khi dịch ra tiếng Việt.		
		Các môn khác biệt:	- Tin học đại cương. - Mác – lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Pháp luật về doanh nghiệp	Tuy có sự khác nhau nhiều môn học, tuy nhiên về các môn học chuyên ngành tương thích có khoảng 80% các môn học giống nhau về tên môn học

3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo này áp dụng từ khóa tuyển sinh **năm 2019**.
2. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, Khoa quản lý.
3. Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa, trung tâm, đơn vị quả lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với bản đặc tả trong chương trình đào tạo.
4. Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định liên quan hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp.Hồ Chí Minh.
5. Trưởng Khoa Luật và Quan hệ quốc tế, Trưởng ngành phụ trách đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần Khoa, Trưởng ngành đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,..
6. Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (những thay đổi nhỏ như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá) và rà soát 02 năm một lần (chủ yếu xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần) để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

TP.HCM, ngày 13 tháng 05 năm 2019

TRƯỞNG KHOA L&QHQT	HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Dương Anh Sơn	TS. Nguyễn Thanh Giang